

KẾ HOẠCH

**Triển khai thực hiện Kết luận số 371-KL/TU ngày 17 tháng 7 năm 2026 của
Thành ủy và Kế hoạch số 67-KH/ĐU ngày 23 tháng 7 năm 2026 của Đảng ủy
Ủy ban nhân dân thành phố về giảm nghèo bền vững giai đoạn 2026-2030**

Thực hiện Kết luận số 371-KL/TU ngày 17 tháng 7 năm 2026 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố Huế (khóa XVII) về giảm nghèo bền vững giai đoạn 2026 - 2030 (sau đây viết tắt là Kết luận số 371-KL/TU); Kế hoạch số 67-KH/ĐU ngày 23 tháng 7 năm 2026 của Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố về thực hiện Kết luận Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố (khóa XVII) về giảm nghèo bền vững giai đoạn 2026 - 2030 (sau đây gọi tắt là Kế hoạch số 67-KH/ĐU). Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện với các nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Tổ chức quán triệt, triển khai nghiêm túc, đồng bộ, hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Kết luận số 371-KL/TU và Kế hoạch số 67-KH/ĐU; xác định giảm nghèo bền vững là nhiệm vụ chính trị quan trọng, thường xuyên, lâu dài của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội.

b) Cụ thể hóa các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ của Kết luận số 371-KL/TU thành các nhiệm vụ quản lý nhà nước, chương trình, đề án, dự án và hoạt động cụ thể của các Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

c) Tạo chuyển biến căn bản về phương thức thực hiện công tác giảm nghèo, chuyển từ hỗ trợ đơn thuần sang hỗ trợ có điều kiện, hỗ trợ sinh kế, tạo việc làm, tăng thu nhập, nâng cao khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản và năng lực tự vươn lên của người dân.

d) Tập trung nguồn lực cho các địa bàn, nhóm đối tượng còn nhiều khó khăn; nhất là các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, hộ nghèo không có khả năng lao động, người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em và các nhóm yếu thế.

2. Yêu cầu

a) Bám sát Kết luận số 371-KL/TU, Kế hoạch số 67-KH/ĐU, các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các chương trình, kế hoạch của Trung ương, thành phố về giảm nghèo bền vững.

b) Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, tạo sự thống nhất trong nhận thức và hành động, sự đồng thuận trong nhân dân và toàn xã hội; khơi dậy các tiềm năng, thế mạnh, nguồn lực của toàn xã hội để triển khai thực hiện kế hoạch hiệu quả, thiết thực, bền vững.

c) Huy động, lồng ghép và sử dụng hiệu quả các nguồn lực; ưu tiên đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, tránh dàn trải, trùng lặp, hình thức; bảo đảm công khai, minh bạch, đúng đối tượng, đúng quy định.

d) Lấy kết quả giảm nghèo, nâng cao thu nhập, giảm thiểu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản và hạn chế tái nghèo làm thước đo hiệu quả thực hiện.

II. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

1. Mục tiêu chung

Thực hiện giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững; bảo đảm người nghèo, hộ nghèo, hộ cận nghèo được tiếp cận đầy đủ, kịp thời các chính sách hỗ trợ và dịch vụ xã hội cơ bản; nâng cao thu nhập, tạo việc làm, phát triển sinh kế bền vững; thu hẹp khoảng cách về mức sống và tiếp cận dịch vụ xã hội giữa các khu vực, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Đến năm 2030, thành phố Huế cơ bản không còn hộ nghèo, ngoại trừ các hộ thuộc diện bảo trợ xã hội đặc biệt, không còn khả năng lao động.

b) Năm 2026 phấn đấu giảm tỷ lệ hộ nghèo từ 0,2 - 0,3%, tương ứng tỷ lệ hộ nghèo còn khoảng 0,78% - 0,88%

c) Giai đoạn 2027-2030 phấn đấu giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân toàn thành phố từ 0,3%/năm trở lên (trong đó: năm 2027 giảm 0,4%; năm 2028 giảm 0,35%; năm 2029 giảm 0,3%; năm 2030 giảm 0,3%).

d) Hằng năm tổ chức rà soát, xác định chính xác hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo; xác định nguyên nhân nghèo và chiều thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản của từng hộ để xây dựng phương án hỗ trợ phù hợp.

(Ghi chú: Các chỉ tiêu cụ thể hằng năm được UBND thành phố giao cho từng xã, phường trên cơ sở kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, điều kiện kinh tế - xã hội và khả năng thực hiện của từng địa phương).

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động và huy động sự tham gia của toàn xã hội

- Tổ chức quán triệt, tuyên truyền sâu rộng Kết luận số 371-KL/TU, Kế hoạch số 67-KH/ĐU và các chủ trương, chính sách về giảm nghèo bền vững đến cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và Nhân dân.

- Đổi mới nội dung, hình thức tuyên truyền phù hợp với từng nhóm đối tượng; tăng cường ứng dụng nền tảng số, hệ thống thông tin cơ sở và các phương tiện truyền thông.

- Khơi dậy ý chí tự lực, tự cường, chủ động vươn lên thoát nghèo; hạn chế tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào chính sách hỗ trợ.

- Huy động doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, cộng đồng, dòng họ và các tổ chức chính trị - xã hội tham gia hỗ trợ người nghèo theo hướng tạo việc làm, sinh kế, hỗ trợ sản xuất, nhà ở và các điều kiện cần thiết để thoát nghèo bền vững.

2. Hoàn thiện cơ chế, chính sách và tổ chức thực hiện giảm nghèo phù hợp với chính quyền địa phương hai cấp

- Rà soát toàn bộ cơ chế, chính sách, văn bản hướng dẫn của thành phố về giảm nghèo; kịp thời sửa đổi, bổ sung hoặc tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành bảo đảm thống nhất với quy định của Trung ương và mô hình chính quyền địa phương hai cấp.

- Rà soát, chuẩn hóa quy trình thực hiện các dự án, mô hình giảm nghèo; đơn giản hóa những khâu không cần thiết nhưng vẫn bảo đảm đúng quy định pháp luật.

- Xác định rõ trách nhiệm của từng Sở, ban, ngành và UBND xã, phường trong từng nội dung hỗ trợ; tránh tình trạng nhiều cơ quan cùng tham gia nhưng không xác định được cơ quan chịu trách nhiệm chính.

3. Rà soát, quản lý hộ nghèo, hộ cận nghèo và xây dựng cơ sở dữ liệu giảm nghèo

- Tổ chức rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm bảo đảm công khai, chính xác, khách quan, đúng quy trình và đúng chuẩn nghèo đa chiều quốc gia.

- Xác định cụ thể nguyên nhân nghèo, mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản, khả năng lao động, nhu cầu hỗ trợ và phương án thoát nghèo của từng hộ.

- Xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu giảm nghèo theo hướng “đúng, đủ, sạch, sống”; kết nối, chia sẻ dữ liệu theo quy định để phục vụ quản lý, theo dõi và hỗ trợ giảm nghèo theo địa chỉ.

- Xây dựng kế hoạch giảm nghèo theo từng địa bàn và từng hộ; ưu tiên các hộ có khả năng lao động, có nhu cầu và khả năng tham gia các mô hình sinh kế, tạo việc làm, tăng thu nhập.

4. Huy động, lồng ghép và sử dụng hiệu quả các nguồn lực

- Chủ động bố trí nguồn lực trong khả năng ngân sách thành phố và ngân sách cấp xã để thực hiện các nhiệm vụ giảm nghèo theo quy định.

- Lồng ghép hiệu quả nguồn vốn của các Chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, đề án, dự án và nguồn lực hợp pháp khác.

- Ưu tiên nguồn lực cho các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, các địa bàn có tỷ lệ hộ nghèo cao và các nhóm yếu thế.

- Việc phân bổ, quản lý và sử dụng nguồn lực phải bảo đảm đúng mục tiêu, đối tượng, công khai, minh bạch, tiết kiệm, hiệu quả, tránh dàn trải, trùng lặp.

5. Phát triển cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ giảm nghèo

- Ưu tiên đầu tư các công trình giao thông, thủy lợi, nước sinh hoạt và công trình thiết yếu khác có tính kết nối, phục vụ sản xuất, lưu thông hàng hóa và tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản.

- Tập trung các công trình có khả năng tạo tác động lan tỏa, gắn với vùng sản xuất hàng hóa, chuỗi giá trị và sinh kế của người dân.

- Khuyến khích thực hiện các dự án quy mô nhỏ, kỹ thuật đơn giản, có sự tham gia của người dân theo đúng quy định của pháp luật; phát huy nguồn lực tại chỗ và tạo việc làm cho người dân.

6. Đổi mới thực hiện các dự án sinh kế, phát triển sản xuất và nhân rộng mô hình giảm nghèo

- Chuyển mạnh từ hỗ trợ trực tiếp sang hỗ trợ có điều kiện, hỗ trợ sinh kế, hỗ trợ phát triển sản xuất phù hợp với nhu cầu, điều kiện và khả năng lao động của từng hộ. Đối với hộ nghèo không có khả năng lao động và các trường hợp đặc biệt khó khăn, tiếp tục thực hiện đầy đủ chính sách trợ giúp xã hội; đồng thời kết hợp vận động các nguồn lực xã hội hỗ trợ các nhu cầu thiết yếu, chăm lo thường xuyên, góp phần bảo đảm an sinh xã hội.

- Xây dựng dự án sinh kế trên cơ sở kết quả rà soát nguyên nhân nghèo, nhu cầu và phương án sinh kế của từng hộ.

- Ưu tiên mô hình có thời gian thực hiện 2 - 3 năm, năm đầu hỗ trợ cơ bản, các năm tiếp theo tập trung hướng dẫn kỹ thuật, theo dõi, giám sát và đánh giá kết quả.

- Phát triển sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, sản xuất thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển kinh tế hợp tác, làng nghề, sản phẩm OCOP, liên kết sản xuất - tiêu thụ.

- Gắn phát triển sinh kế với du lịch, dịch vụ, nhất là tại các địa bàn miền núi; tăng cường sự tham gia của doanh nghiệp, hợp tác xã và các tổ chức liên kết sản xuất.

7. Tập trung đào tạo nghề, giải quyết việc làm và tăng thu nhập

- Xác định giải quyết việc làm, tăng thu nhập là giải pháp trọng tâm để giảm nghèo bền vững.

- Rà soát nhu cầu học nghề, việc làm của người nghèo, người cận nghèo và người mới thoát nghèo; tổ chức đào tạo nghề gắn với nhu cầu của doanh nghiệp và thị trường lao động.

- Đẩy mạnh các hình thức đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ theo quy định pháp luật về giáo dục nghề nghiệp, việc làm, các chính sách liên quan, bảo đảm gắn đào tạo với nhu cầu sử dụng lao động và hiệu quả việc làm sau đào tạo.

- Hỗ trợ người lao động thuộc đối tượng theo quy định đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

- Khuyến khích tạo việc làm công, việc làm tại chỗ và việc làm trong các doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất, kinh doanh.

8. Thực hiện đồng bộ chính sách tín dụng và hỗ trợ tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản

- Tiếp tục thực hiện hiệu quả chính sách tín dụng ưu đãi thông qua Ngân hàng Chính sách xã hội đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và các đối tượng chính sách theo quy định.

- Ưu tiên hộ có khả năng lao động, có phương án sản xuất, kinh doanh và phương án sử dụng vốn hiệu quả.

- Thực hiện đầy đủ, kịp thời chính sách về bảo hiểm y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt, vệ sinh môi trường, thông tin và các dịch vụ xã hội cơ bản khác.

- Chú trọng các hộ nghèo không có khả năng lao động, người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em, người di cư, lao động phi chính thức và các nhóm yếu thế.

9. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số trong quản lý giảm nghèo

Tiếp tục hoàn thiện, nâng cấp ứng dụng “Rà soát hộ nghèo” phù hợp với chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2027-2030; Nâng cấp phần mềm “Quản lý giảm nghèo” của thành phố nhằm quản lý thống nhất danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, nguyên nhân nghèo, chiều thiếu hụt dịch vụ xã hội và các khoản hỗ trợ; liên thông, kết nối với ứng dụng Hue-S nhằm đảm bảo sự đồng bộ trong khai thác dữ liệu chung của các cấp trên toàn thành phố cho đến khi Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành, hướng dẫn triển khai thực hiện Thông tư “Khung kiến trúc dữ liệu, Khung quản trị, quản lý dữ liệu và Từ điển dữ liệu cơ sở dữ liệu quốc gia hộ nghèo, cận nghèo” dùng chung toàn quốc theo tinh thần Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia: “Xây dựng và dùng chung các nền tảng số quốc gia, vùng, bảo đảm hoạt động thống nhất, liên thông của các ngành, lĩnh vực trên môi trường số”.

10. Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo

- Rà soát, kiện toàn đội ngũ cán bộ thực hiện công tác giảm nghèo tại các cơ quan, đơn vị và UBND các xã, phường.

- Tổ chức tập huấn về chuẩn nghèo đa chiều, quy trình rà soát hộ nghèo, quản lý Chương trình MTQG, xây dựng dự án sinh kế, lập kế hoạch giảm nghèo theo địa chỉ, truyền thông và kỹ năng đồng hành cùng người nghèo.

- Ưu tiên đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trực tiếp làm công tác giảm nghèo tại các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

11. Tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá và thi đua, khen thưởng

- Đưa việc thực hiện Kết luận số 371-KL/TU và Kế hoạch này vào chương trình kiểm tra, giám sát hằng năm của các cơ quan, đơn vị có liên quan.

- Tăng cường kiểm tra việc xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo; thực hiện chính sách; quản lý, sử dụng nguồn lực và các dự án, mô hình giảm nghèo.

- Kịp thời phát hiện, chấn chỉnh và xử lý các hành vi sai đối tượng, bỏ sót đối tượng, trục lợi chính sách, lãng phí, tiêu cực theo quy định.

- Định kỳ sơ kết, tổng kết; biểu dương, khen thưởng tập thể, cá nhân, mô hình và hộ gia đình có thành tích, cách làm hiệu quả trong giảm nghèo bền vững.

- Gắn kết quả thực hiện nhiệm vụ giảm nghèo với đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị và người đứng đầu theo quy định.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

Là cơ quan đầu mối, chủ trì tham mưu UBND thành phố tổ chức triển khai Kế hoạch; theo dõi, đôn đốc, kiểm tra và tổng hợp kết quả thực hiện:

- Tham mưu cụ thể hóa các mục tiêu, chỉ tiêu giảm nghèo hằng năm và giai đoạn 2026 - 2030.

- Thực hiện công tác tuyên truyền, truyền thông; hướng dẫn, tổ chức rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo; quản lý, cập nhật cơ sở dữ liệu giảm nghèo.

- Chủ trì tham mưu các chính sách, dự án, mô hình sinh kế, phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo.

- Chủ trì tham mưu việc lồng ghép nguồn lực thực hiện các mục tiêu giảm nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương đơn đốc, kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện Kế hoạch; tổng hợp báo cáo định kỳ, sơ kết, tổng kết; tham mưu UBND thành phố báo cáo cấp có thẩm quyền.

2. Sở Tài chính

- Phối hợp với Sở, ngành, địa phương đề xuất xây dựng các cơ chế, chính sách hỗ trợ nhằm giảm tỷ lệ hộ nghèo thành phố đến năm 2030 cơ bản không còn hộ nghèo.

- Chủ trì tham mưu bố trí, phân bổ nguồn lực ngân sách theo khả năng cân đối và quy định pháp luật.

- Phối hợp lồng ghép nguồn lực đầu tư công, chi thường xuyên và các nguồn vốn hợp pháp khác.

- Hướng dẫn quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí thực hiện các nhiệm vụ giảm nghèo theo quy định.

- Phối hợp kiểm tra việc quản lý, sử dụng nguồn lực.

3. Sở Xây dựng

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, địa phương tổ chức triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách, đề án, chương trình mục tiêu do Trung ương ban hành về hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo theo thẩm quyền được giao, đảm bảo phù hợp mục tiêu, định hướng và chỉ tiêu hỗ trợ nhà ở quy định tại Chương trình phát triển nhà ở trên địa bàn thành phố.

- Chủ trì, phối hợp tham mưu đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ giảm nghèo thuộc lĩnh vực quản lý; Ưu tiên các công trình có tính kết nối, phục vụ sản xuất và tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản tại các địa bàn khó khăn.

4. Sở Y tế

- Phối hợp với các Sở, ngành, địa phương tham mưu xây dựng cơ chế chính sách hỗ trợ người thuộc hộ gia đình cận nghèo, người thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình về bảo hiểm y tế.

- Phối hợp hướng dẫn thực hiện chính sách bảo hiểm y tế.

- Chỉ đạo các cơ sở y tế nâng cao chất lượng khám bệnh, chữa bệnh cho người nghèo, người cận nghèo và người yếu thế, bảo đảm người dân được tiếp cận thuận lợi các dịch vụ y tế cơ bản.

- Phối hợp xác định, đánh giá các chiều thiếu hụt về y tế trong rà soát hộ nghèo hàng năm khi có yêu cầu; có các giải pháp giảm các chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản đối với chiều thiếu hụt về y tế.

5. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, địa phương tham mưu xây dựng chính sách hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo có khả

năng lao động, có nhu cầu học nghề và phù hợp với năng lực thực tiễn về chi phí học nghề phù hợp với điều kiện thực tế.

- Thực hiện các chính sách hỗ trợ giáo dục đối với trẻ em, học sinh thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đầy đủ, kịp thời, bảo đảm quyền tiếp cận giáo dục, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực theo quy định.

- Phối hợp giảm thiểu hụt dịch vụ xã hội cơ bản về giáo dục.

6. Sở Khoa học và Công nghệ

- Phối hợp nâng cấp, kết nối các hệ thống dữ liệu phục vụ quản lý giảm nghèo, liên thông với ứng dụng Hue-S nhằm đảm bảo sự đồng bộ trong khai thác dữ liệu chung của các cấp trên toàn thành phố.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường trong triển khai “Khung kiến trúc dữ liệu, Khung quản trị, quản lý dữ liệu và Từ điển dữ liệu cơ sở dữ liệu quốc gia hộ nghèo, cận nghèo” để dùng chung toàn quốc theo tinh thần Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia: “Xây dựng và dùng chung các nền tảng số quốc gia, vùng, bảo đảm hoạt động thống nhất, liên thông của các ngành, lĩnh vực trên môi trường số” khi Bộ Nông nghiệp và Môi trường triển khai và giao nhiệm vụ thực hiện của UBND thành phố.

7. Sở Nội vụ

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, địa phương triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo vay vốn giải quyết việc làm; tư vấn, hỗ trợ giới thiệu việc làm cho người thuộc hộ nghèo có khả năng lao động có việc làm, tạo thu nhập, ổn định cuộc sống.

- Chủ trì, phối hợp triển khai các nhiệm vụ giảm nghèo tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi thuộc phạm vi quản lý.

- Phối hợp ưu tiên nguồn lực, đào tạo, nâng cao năng lực cán bộ và phát triển sinh kế tại các địa bàn đặc biệt khó khăn.

8. Các Sở, ban, ngành liên quan

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao chủ động xây dựng nhiệm vụ, giải pháp giảm nghèo thuộc lĩnh vực quản lý; thực hiện trợ giúp pháp lý cho người thuộc hộ nghèo, người thuộc hộ cận nghèo và các đối tượng chính sách khác theo quy định; phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường trong tổ chức thực hiện, kiểm tra, đánh giá và báo cáo kết quả.

9. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội thành phố

- Tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và nhân dân tích cực tham gia thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững đến năm 2030 thành phố cơ bản không còn hộ nghèo, phát huy truyền thống đoàn kết, tinh thần "tương thân, tương ái" trong cộng đồng, dòng họ cùng giúp đỡ nhau khắc phục khó khăn, tích cực giảm nghèo bền vững; xây dựng kế hoạch phát động, vận động ủng hộ và triển khai sử dụng có hiệu quả, thiết thực Quỹ "Vì người nghèo" hằng năm.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, các Sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các xã, phường rà soát, xây dựng kế hoạch và vận động nguồn lực hỗ trợ xóa nhà tạm, nhà dột nát cho hộ nghèo, hộ cận nghèo; quan tâm hỗ trợ nhà ở đối với các hộ có hoàn cảnh khó khăn phát sinh do thiên tai và giám sát quá trình triển khai thực hiện đảm bảo công bằng, khách quan, dân chủ, đúng đối tượng, chính sách.

- Tổ chức phản biện xã hội trong quá trình xây dựng cơ chế, chính sách liên quan đến công tác giảm nghèo của thành phố; giám sát việc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, việc thực hiện các chính sách, phân bổ và sử dụng nguồn lực hỗ trợ giảm nghèo, bảo đảm công bằng, dân chủ, công khai, minh bạch. Đồng thời, tăng cường nắm bắt, tổng hợp ý kiến, kiến nghị của Nhân dân; kịp thời phản ánh, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết những khó.

10. UBND các xã, phường

- Xác định mục tiêu phấn đấu đến năm 2030 cơ bản không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027-2030 là nhiệm vụ chính trị của từng xã, phường.

- Xây dựng kế hoạch giảm nghèo phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; giao chỉ tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo hằng năm đến từng địa bàn phù hợp với tình hình thực tế

- Tổ chức huy động, vận động các nguồn lực và thực hiện hiệu quả các cơ chế, chính sách để đảm bảo hoàn thành mục tiêu giảm nghèo trên địa bàn.

- Tổ chức rà soát, xác định nguyên nhân nghèo, nhu cầu và phương án hỗ trợ đối với từng hộ.

- Xây dựng kế hoạch giảm nghèo theo địa chỉ; phân công cán bộ, cơ quan, tổ chức chịu trách nhiệm trực tiếp giúp đỡ, hỗ trợ các hộ nghèo có khả năng vươn lên thoát nghèo.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường chịu trách nhiệm trước UBND thành phố, Chủ tịch UBND thành phố về tính chính xác của số liệu hộ nghèo, hộ cận nghèo và kết quả giảm nghèo trên địa bàn; thực hiện đúng, đầy đủ, kịp thời các chính sách hỗ trợ theo quy định, đảm bảo công khai, minh bạch, tuyệt đối không để trục lợi chính sách.

- Tổ chức giám sát, theo dõi, đánh giá và báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch trên địa bàn định kỳ, đột xuất theo quy định; theo dõi nguy cơ tái nghèo, kịp thời có giải pháp hỗ trợ.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bảo đảm từ Ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách và khả năng cân đối ngân sách thành phố, ngân sách cấp xã; Nguồn vốn của các Chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, đề án, dự án có liên quan; Nguồn tín dụng chính sách xã hội; Nguồn huy động hợp pháp từ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, cộng đồng và các nguồn lực hợp pháp khác.

2. Việc lập dự toán, phân bổ, quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Kế hoạch phải đúng mục tiêu, đối tượng, nội dung, định mức, chế độ và quy định của pháp luật.

VI. CHẾ ĐỘ THÔNG TIN, BÁO CÁO

1. UBND các xã, phường và các Sở, ban, ngành được giao nhiệm vụ thực hiện báo cáo định kỳ 6 tháng, hằng năm và đột xuất theo yêu cầu.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện, tham mưu UBND thành phố báo cáo cấp có thẩm quyền.

3. Nội dung báo cáo phải đánh giá đầy đủ kết quả thực hiện mục tiêu, chỉ tiêu; kết quả giảm hộ nghèo; tình hình thực hiện chính sách; nguồn lực; dự án, mô hình sinh kế; kết quả giảm thiểu hủ thệ dịch vụ xã hội cơ bản; nguy cơ tái nghèo; khó khăn, vướng mắc và kiến nghị, đề xuất.

4. Tổ chức sơ kết giữa kỳ và tổng kết giai đoạn theo yêu cầu của Thành ủy, Đảng ủy UBND thành phố và quy định của Chương trình mục tiêu quốc gia.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, tham mưu UBND thành phố xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND thành phố;
- CT, các PCT UBND thành phố;
- Các Sở, ban, ngành, đơn vị mục IV;
- VP: LĐ và các CV: TH, TC, XDCB;
- Lưu: VT, NN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Mạnh